

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07-02-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tô Văn Nhung;
- Bà Phạm Tú Nhi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:* Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 581/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1978; thường trú: Số I, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn D, sinh năm 1978; thường trú: Số I, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:*

Bà N và ông Bùi Văn D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường A), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 04/2005 ngày 05/4/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã về mọi vấn đề trong cuộc sống,

không thể hoà hợp được. Vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Thị Phương A, sinh ngày 15/01/2005. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Bùi Văn D:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông D vắng mặt không có lý do. Ông D không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Biên bản xác minh ngày 09/12/2024 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương thể hiện:* Hội liên hiệp phụ nữ phường Đ không nhận được đơn yêu cầu hòa giải cơ sở về quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông D. Đồng thời cũng không nhận được phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung của hai anh chị nên không rõ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Bùi Văn D đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm vào các ngày 10/01/2025 và ngày 07/2/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Bùi Văn D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 04/2005 do Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường A), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 05/4/2005 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của bà N thì thực tế cuộc sống vợ chồng bà và ông D có nhiều mâu thuẫn trầm trọng từ nhiều năm nay. Nguyên nhân là do tính tính không hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc,

giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập ông D đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông D không đến tham gia hòa giải, bà N có đơn từ chối hoà giải, điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và chính ông D, bà N cũng không muốn hàn gắn. Vì vậy, bà N yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông D có 01 con chung là cháu Bùi Thị Phương A, sinh ngày 15/01/2005. Con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N đối với bị đơn ông Bùi Văn D về việc tranh chấp ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Bùi Văn D (Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 04/2005 do Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường A), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 05/4/2005).

- Về con chung: Bà Lê Thị N và ông Bùi Văn D có 01 con chung là cháu Bùi Thị Phương A, sinh ngày 15/01/2005. Con chung đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001984 ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An (01);
- Dương sự (02);
- UBND phường An Tây,
thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (01);
- Lưu: VP, HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân